

2019 Academic Year Admissions Brochure
International Bachelor Program of Industry-Academia Collaboration
(IBPIAC)

Chung Hwa University of Medical Technology (HWAI)

中華醫事科技大學 2019 國際學生產學合作專班秋季班招生簡章

**Giới thiệu về việc đăng ký nhập học lớp chuyên ban sinh viên quốc tế
kỳ mùa thu năm học 2019**

Trường ĐH Khoa Học và Công Nghệ Y Khoa Trung Hoa



學校校址：71703 台南市仁德區文華一街 89 號

洽詢電話：+886-6-2674567 轉分機 276，+886-6-2672623

傳真電話：+886-6-2692177

電子信箱：htcj1106@gmail.com

學校網址：<http://www.hwai.edu.tw>

招生網址：<http://www.hwai.edu.tw/admi/pub/News.asp>

Campus Address:

Address: No.89, Wenhua 1st., Rende Dist., Tainan City 71703, Taiwan, R.O.C.

TEL: +886-6-2674567 ext. 276，+886-6-2672623

FAX: +886-6-2692177

E-mail：htcj1106@gmail.com

Website: <http://www.hwai.edu.tw>

Admission Website : <http://www.hwai.edu.tw/admi/pub/News.asp>

Địa chỉ : Số 89, đường Văn Hòa Một, Khu Nhân Đức, Thành Phố Đài Nam, Đài Loan.

Điện thoại : +886-6-2674567 Số máy lẻ 276 , +886-6-2672623

Fax : +886-6-2692177

Hòm thư : htcj1106@gmail.com

Trang web trường : <http://www.hwai.edu.tw>

Trang web tuyển sinh : <http://www.hwai.edu.tw/admi/pub/News.asp>

中華醫事科技大學 招生委員會 編印

2019 國際學生產學合作專班秋季班招生

Tuyển sinh lớp chuyên ban sinh viên quốc tế kỳ mùa thu năm học 2019

重要日程表

Important Dates for HWAI Admission of Fall Semester 2019

Các mốc thời gian quan trọng

項 目 Item Các mục	日 期 Date Ngày tháng
報名繳件截止日 Application Deadline Hạn cuối đăng ký	即日起- 2019 年 8 月 30 日(五) Now - Aug.30,2019 Thứ sáu, ngày 30 tháng 8 năm 2019
公告錄取名單 Admissions Posted Công bố danh sách trúng tuyển	2019 年 9 月 9 日(一) Sep.9,2019 Thứ hai , ngày 9 tháng 9 năm 2019
寄發入學通知 Acceptance Letters Sent to Applicants Gửi thư mời nhập học	2019 年 9 月 16 日(一) Sep.16,2019 Thứ hai, ngày 16 tháng 9 năm 2019
報到/註冊 Registration Đăng ký	2019 年 10 月 4 日(五) Oct. 4, 2019 Thứ sáu, ngày 4 tháng 10 năm 2019
開學日期 Classes Begin Ngày bắt đầu học	2019 年 10 月 7 日(一) Oct. 7, 2019 Thứ hai, ngày 7 tháng 10 năm 2019
附註 Note Chú ý	簡章下載網址：Link download tài liệu http://www.hwai.edu.tw/ioa/pub/News.asp Admission brochures posted on the website. (http://www.hwai.edu.tw/ioa/pub/News.asp)

本簡章依據公文：

Bản giới thiệu căn cứ theo các công văn sau:

(一) 依據中華醫事科技大學外國學生招生規定(教育部臺教文(五)字第 1060071057 號文辦理)。

(二) 依教育部 2019-06-10 臺教技(四)字第 1080082799 號函核定

1. Dựa theo quy định tuyển sinh sinh viên quốc tế của trường ĐH Khoa Học và Công Nghệ Y Khoa Trung Hoa (Công văn số 1060071057 của bộ giáo dục)

2. Dựa theo công hàm số 1080082799 ngày 2019-06-10 của bộ giáo dục Đài Loan.

2019 國際學生產學合作專班秋季班招生

申請流程表

Application Procedure for IBPIAC Admission of Fall Semester 2019

Tuyển sinh lớp chuyên ban sinh viên quốc tế kỳ mùa thu năm học 2019

Bảng quy trình đăng ký

Download
Tài liệu giới thiệu

簡章下載
Downloading
brochures

Xác nhận

確認
Confirmation

Những giấy tờ cần
chuẩn bị

準備文件
Preparing the
Required
Documents

Địa chỉ gửi
hồ sơ

文件寄送
Documents to be
Submitted

錄取通知
Admission
Notification

Thông báo
trúng tuyển

Trang web
tuyển sinh

招生網址 Admission Website :
<http://www.hwai.edu.tw/iao/pub/News.asp>

Đọc kỹ và xác định điều
kiện tuyển sinh, điều kiện
đăng ký ngành học

請詳閱招生簡章 確認您的申請資格、系別
Read through the brochure and confirm your qualification and intended
department

Xem kỹ nội
dung trang
số 6

詳見簡章第6頁 See page 6 for Required Documents

寄件方式：
Documents to be Submitted by two alternatives.

1. 電子信箱：請將資料掃描，寄至電子信箱： htcj1106@gmail.com
Send by E-Mail

Email box : htcj1106@gmail.com

2. 郵寄：以紙本掛號方式寄送

Send by Registered mail

地址：中華醫事科技大學 國際暨兩岸事務處 收

71703 台南市仁德區文華一街89號

電話：+886-6- 2674567 轉分機 276 +886-6- 2672623

Address : Address: No.89, Wenhua 1st., Rende Dist.,

Tainan City 71703, Taiwan, R.O.C.

Office of International and Cross Strait Affairs

Chung Hwa University of Medical Technology

Tel : +886-6- 2674567 ext.276 +886-6- 2672623

1: Scan tài liệu và gửi
vào email:

htcj1106@gmail.com

2: Gửi qua đường bưu
điện tới địa chỉ:

Trường ĐH Khoa Học
và Công Nghệ Y
Khoa Trung Hoa

Số 89, đường Văn
Hòa Một, Khu Nhân
Đức, Thành Phố Đài
Nam, Đài Loan.

Điện thoại :

+886-6-2674567

Chuyển nhánh

276 , +886-6-2672623

(Tên trường và địa chỉ
phải viết bằng tiếng
Trung)

通知方式：

1. 公告：(網址：www.hwai.edu.tw/cc/portal/portalhome.asp)

2. 電子郵件

3. 書面通知

The list of admitted students will be posted on the website.

(www.hwai.edu.tw/cc/portal/portalhome.asp)

Admission Notification will be sent by both e-mail and post

Hình thức thông báo:

1: Thông báo trên trang web:

www.hwai.edu.tw/cc/portal/portalhome.asp

2: Thông báo qua email

3: Gửi giấy thông báo

目 錄

Mục lục

壹、 招生系別資訊 Admission Information	Thông tin tuyển sinh của các khoa	06
貳、 申請資格 Eligibility	Điều kiện đăng ký	06
參、 申請流程 Application Process	Quá trình đăng ký	09
肆、 錄取公告 Admission Posted	Thông báo trúng tuyển	12
伍、 報到及註冊入學 Pre-registration and Enrollment	Báo danh và làm thủ tục nhập học	12
陸、 實用資訊 Other Information	Các thông tin liên quan khác	14
柒、 其他申請注意事項 Miscellaneous	Các mục cần chú ý khi đăng ký	15

表

表一：入學申請表 Admission Application Form	Đơn đăng ký nhập học	18
表二：申請入學繳交資料紀錄表 Check List for Application Materials		
Bảng điền các tài liệu cần nộp		20
表三：具結書 Affidavit	Giấy tuyên thệ	23
表四：授權書 Letter of Authorization	Giấy ủy quyền	26
表五：切結書 Sworn Statement	Giấy cam kết	27

壹、招生系別資訊 Admission Information Thông tin các ngành tuyển sinh

一、招生系別、國別及名額：Degree Program and Admission Quotas

Ngành tuyển sinh, quốc gia và số lượng.

學院 College Trường đại học	系別 Department Khoa ngành	招生國別 Country Quốc gia tuyển sinh	招生名額 Admission Quotas Số lượng tuyển sinh
醫事學院 College of Medical Technology Đại học Y Khoa	化妝品應用與管理系 Department of Cosmetic Science Khoa quản lý và ứng dụng hóa mỹ phẩm	越南 Việt Nam	80

二、修業年限：4 年學士班。

Duration of the term of study : Bachelor's degree (4 years)

Thời gian học : Đại học 4 năm

三、招生方式：申請入學。

Apply for admission

Phương thức tuyển sinh: Đăng ký nhập học

四、修業方式：國際學生產學合作專班(以下簡稱本專班)，依計畫專班上課及實習模式，於修業期限內完成所列之課程及畢業學分數。

Graduation requirements: Based on the degree program's curricula and internship regulations, students should complete required credits for graduation during the period of study.

Hình thức học: Lớp chuyên ban hệ vừa học vừa làm dành cho sinh viên quốc tế(nói tắt là lớp chuyên ban) dựa theo hình thức vừa học vừa thực tập, trong thời hạn cho phép hoàn thành các môn học và học phần tốt nghiệp.

五、畢業學分數：128 學分。Students should complete required 128credits for graduation

Học phần tốt nghiệp: Gồm 128 học phần

貳、申請資格 Eligibility Điều kiện đăng ký xin nhập học

申請人需符合「外國學生來臺就學辦法」規定且限國籍為東協十國、南亞六國及紐澳等新南向國家。

Our admissions criteria are based on *MOE Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan*. Applicant's nationality is limited to 10 Southeast Asian countries, 6 South Asian countries, Australia and New Zealand.

Người đăng ký xin nhập học phải phù hợp luật quy định sinh viên quốc tế đến Đài Loan học tập, hạn chế phạm vi các nước ĐNA(10 nước), Nam Á (6 nước), các nước Australia , New Zealand. hoặc các nước thuộc chính sách Tân Hướng Nam.

一、具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者。

Individuals of foreign nationality who have never held ROC nationality status and do not possess overseas Chinese student status at the time of their application

Có quốc tịch nước ngoài và chưa có quốc tịch Đài Loan (Taiwan), khi xin nhập học không thuộc loại sinh viên Hoa Kiều.

二、具外國國籍且符合下列規定，於申請時並已連續居留海外六年以上者(計算至 2019 年 8 月 1 日)。

Individuals of foreign nationality who have lived overseas continuously for no less than six

years and meet one of the following criteria: (up to August 1, 2019)

Có quốc tịch nước ngoài và phù hợp những quy định sau, người đăng ký khi làm thủ tục đã cư trú liên tục ở nước ngoài 6 năm trở lên (tính đến ngày 1 tháng 8 năm 2019)

(一)申請時兼具中華民國國籍者，應自始未曾在臺設有戶籍。

Bi-nationals who have ROC nationality status at the time of their application must never have been entered in a Republic of China household register
Khi đăng ký xin nhập học có Quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc (Taiwan), nhưng chưa nhập hộ tịch tại Đài Loan.

(二)申請前曾兼具中華民國國籍，於申請時已不具中華民國國籍者，應自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至申請時已滿八年(計算至 2019 年 8 月 1 日)。

Former ROC citizens whose citizenship has been annulled for at least eight years
(up to August 1, 2019)

Trước khi xin nhập học có mang quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, khi xin nhập học đã không mang quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc (Taiwan), kể từ khi được bộ Nội chính chấp thuận từ bỏ quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc đến ngày xin nhập học đủ 8 năm trở lên (tính đến ngày 1 tháng 8 năm 2019).

(三)前二款均未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發。

Individuals mentioned in both the above sections must also

(a) not have studied in Taiwan with overseas Chinese student status

(b) not have received placement permission for an academic school year from the University Entrance Committee for Overseas Students

Hai điều khoản trước chưa từng lấy thân phận Hoa Kiều đến Đài Loan học tập, cũng chưa từng có trong danh sách phân phát sinh viên của Ủy ban chiêu sinh Hải Ngoại Liên Hợp.

依教育合作協議，由外國政府、機構或學校遴薦來臺就學之外國國民，其自始未曾在臺設有戶籍者，經主管教育行政機關核准，得不受一、二項規定之限制。

According to the Education Cooperation Framework Agreement, a foreign national who has been selected by a foreign government, organization, or school, and from the time of their birth, has never been listed in a Republic of China household register is not subject to the limitations of the preceding regulations.

Theo hội nghị hợp tác giáo dục, công dân nước ngoài đến Đài Loan học tập do chính phủ nước ngoài, cơ quan hoặc trường học đề nghị, chưa từng nhập tịch Đài Loan, thông qua sự phê chuẩn của chủ quản cơ quan giáo dục thì không bị hạn chế theo quy định ở điều 1 và 2

三、具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿六年以上者(計算至 2019 年 8 月 1 日)。

Foreign passport holders with concurrent Hong Kong or Macau permanent residence should

(1) never have been registered as part of a household in Taiwan and,

(2) have continually resided in Hong Kong, Macau, or another foreign country

(overseas) for no less than 6 years at the time of application (up to August 1, 2019).

Có quốc tịch nước ngoài, có thể cư trú vĩnh viễn tại Hongkong hoặc Macao nhưng chưa nhập quốc

tịch Đài Loan. Khi đăng ký xin nhập học đã cư trú tại Hongkong, Macao hoặc nước ngoài đủ 6 năm trở lên. (tính đến ngày 1 tháng 8 năm 2019).

四、曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外 6 年以上者 (計算至 2019 年 8 月 1 日)。

Applicants who are former citizens of Mainland China should

(1) currently hold foreign nationality,

(2) have never been registered as part of a household in Taiwan, and

(3) have continuously resided overseas for no less than 6 years at the time of application

Là người của khu vực Trung Quốc Đại lục đồng thời mang quốc tịch của các nước trong chính sách Tân Hướng Nam, nhưng chưa từng nhập hộ tịch tại Đài Loan, khi xin nhập học đã cư trú tại hải ngoại được 6 năm trở lên. (tính đến ngày 1 tháng 8 năm 2019).

上述所稱海外，係指東協十國、南亞六國及紐澳等新南向國或地區所稱連續居留，指外國學生每曆年在國內停留期間不得逾 120 日。連續居留海外採計期間之起迄年度非屬完整曆年者，以各該年度之採計期間內在國內停留期間未逾 120 日予以認定。但符合下列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入海外居留期間計算：

The term “overseas” mentioned in the above sections is limited to 10 Southeast Asian countries and 6 South Asian countries. The phrase “continuously reside overseas” means that an individual may stay in Taiwan for no more than a total of 120 days per calendar year. The exceptions to these stipulations are as follows (Please note that these exceptions must be supported by written documentation):

Khái niệm nước ngoài, chỉ khu vực ĐNA (10 nước), Nam Á (6 nước) và các nước Australia, New Zealand, các nước thuộc chính sách Tân Hướng Nam. Khái niệm cư trú liên tục được hiểu là sinh viên nước ngoài đó cư trú trong nước không được vượt quá 120 ngày. Thời gian cư trú liên tục tại nước ngoài được tính theo thời gian không phải năm dương lịch, xác nhận thời gian cư trú trong nước trong 1 năm không quá 120 ngày nhưng phù hợp với những điều kiện sau và có các chứng nhận liên quan, sẽ không hạn chế. Thời gian cư trú trong nước không bị tính vào thời gian cư trú ở nước ngoài.

1. 就讀僑務主管機關舉辦之海外青年技術訓練班或教育部認定之技術訓練專班。

(1) Individuals who attended overseas youth training courses organized by the Overseas Chinese Affairs Council or technical training classes accredited by the Ministry of Education (hereafter referred to as the “Ministry”)

Học các khóa đào tạo kỹ thuật thanh niên ở nước ngoài do Văn phòng Trung Quốc ở nước ngoài tổ chức hoặc các lớp đào tạo kỹ thuật được Bộ Giáo dục công nhận

2. 就讀教育部核准得招收外國學生之各大專校院華語文中心，合計未滿 2 年。

(2) Individuals who attended a Mandarin Chinese language center at a university or college in Taiwan for no more than 2 years. Please note: the educational institution must be Ministry accredited.

Học ở trung tâm Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc của các trường cao đẳng và đại học được Bộ Giáo dục phê duyệt cho tuyển sinh sinh viên nước ngoài, tổng cộng dưới 2 năm

3. 交換學生，其交換期間合計未滿 2 年。

(3) Individuals who have studied in Taiwan as exchange students for no more than 2 years.
Sinh viên trao đổi, tổng thời gian trao đổi ít hơn 2 năm

4.經中央目的事業主管機關許可來臺實習，實習期間合計未滿 2 年。

(4) Individuals who worked as interns for no more than 2 years. Pleases note: internships must have been authorized by a central government agency.

Thực tập với sự cho phép của cơ quan chính phủ trung ương, và thời gian thực tập là ít hơn 2 năm.

五、外國學生依上開規定申請來台就學，以一次為限。

International students applying for schools in Taiwan in accordance with the preceding regulations shall be limited to one-time application only.

Sinh viên nước ngoài nộp đơn xin đến Đài Loan du học theo quy định trên., hạn chế 1 lần.

六、外國學生須符合教育部採認之高級中等以上學校畢業或具有與我國學制相當之同等學力資格。(教育部外國大學參考名冊查詢系統 <http://www.fsedu.moe.gov.tw/>)

Applicants who have graduated from high schools recognized by the Ministry of Education, ROC can apply for admission (Please refer to the website of the Database for the Reference List of Foreign Universities, Ministry of Education, R.O.C. <http://www.fsedu.moe.gov.tw/>)

Sinh viên nước ngoài phải có trình độ tốt nghiệp THPT trở lên hoặc có học lực tương đương với quy định của bộ giáo dục Đài Loan.(Trang web kiểm tra danh sách tham khảo đại học nước ngoài của bộ giáo dục <http://www.fsedu.moe.gov.tw/>)

七、持相當於國內高級中等學校二年級學歷資格報考本校學士班者，應依本校規定補修 12 學分。

For applicants whose high school graduating level is only equivalent to Taiwan's high school second grade, once admitted, at least 12 credits at CUTe in addition to each department's credit requirement are required before graduation.

Người đăng ký nếu trong nước học tới năm thứ hai cấp THPT hoặc tương đương thì sẽ học bù 12 học phần do nhà trường quy định

參、申請流程 Application Process Quá trình đăng ký

一、報名日期 Application Deadline：即日起至 2019 年 8 月 30 日(五)。

From now to August 30, 2019

Hạn đăng ký

: Đến hết ngày 30 tháng 8 năm 2019

二、繳交申請資料：備齊應繳文件後，可選擇下列方式之一寄送至本校。

1.請將資料掃描，寄至電子信箱：htcj1106@gmail.com

2.以紙本方式郵寄

中華醫事科技大學 國際暨兩岸事務處 71703 台南市仁德區文華一街 89 號
電話：+886-6-2674567 轉分機 276, +886-6-2672623

Documents to be submitted by two alternatives :

1. Send by e-mail (Email box : htcj1106@gmail.com)

2. Send by registered mail

Address: No.89, Wenhua 1st., Rende Dist., Tainan City 71703, Taiwan, R.O.C. Office of International and Cross Strait Affairs, Chung Hwa University of Technology

Tel: +886-6-2674567 ext. 276, +886-6-2672623

Cách nộp hồ sơ: Sau khi chuẩn bị các giấy tờ cần thiết , có thể lựa chọn một trong các phương thức sau gửi hồ sơ đến trường.

1: Scan tài liệu và gửi vào email: htcj1106@gmail.com

2: Gửi qua đường bưu điện tới địa chỉ: Trường ĐH Khoa Học và Công Nghệ Y Khoa Trung Hoa Số 89, đường Văn Hòa Một, Khu Nhân Đức, Thành Phố Đài Nam, Đài Loan.

Điện thoại : +886-6-2674567 Chuyển nhánh 276 , +886-6-2672623

三、報名費用 Application Fee : 免收報名費。

No application fee is required.

Lệ phí đăng ký : Miễn phí

四、申請文件 Required Documents for Application Giấy tờ cần chuẩn bị

(一)入學申請表(表 1)

Application Form for Admission —— Form1

Mẫu đơn đăng ký xin nhập học (Mẫu 1)

填寫正確資料，並貼上 2 吋彩色正面脫帽半身近照。

Fill in correct data and stick color bust photo of 2 inches without wearing a hat or color glasses.

Điền đầy đủ chính xác thông tin, dán 2 ảnh màu 3*4 (ảnh chân dung mặc áo có cổ, bỏ mũ)

(二)資料紀錄表(表 2) Bảng xác nhận giấy tờ cần nộp (mẫu 2)

Check List for Application Materials —— Form2

(三)護照或國籍證明 1 份 One photocopy of Passport or Proof of Nationality

Bản phô tô hộ chiếu hoặc chứng minh quốc tịch (1 phần)

(四)學歷證明文件 1 份(中、英以外之語文，應另加附經公證之中文或英文譯本)

One photocopy of the certificate or diploma of the highest degree obtained

(A notarized copy of a Chinese or English translation is required if the original diploma is in a language other than Chinese or English.)

Chứng minh học lực: Bản copy tiếng Trung hoặc tiếng Anh, ngoài ra kèm theo một bản dịch bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung có xác nhận đóng dấu công chứng.

. 1.高中以上畢業學歷證明文件影本。A copy of high school diploma or above

Photo bằng tốt nghiệp THPT trở lên

2. 取得入學許可後，於辦理報到時，需繳交台灣駐外單位、代表處或其他經外交部授權機構驗證之畢業證書及成績單(認證章影本)，始得註冊入學。

Documents required for pre-registration procedures: Original diplomas issued by academic institutions and photocopies of complete year-by-year foreign academic transcripts. Both the foreign diploma and transcripts need to be verified by a Taiwanese embassy or consulate overseas.

Sau khi nhận được giấy thông báo nhập học, khi đến báo danh cần nộp bằng và bảng điểm photto có xác nhận của văn phòng kinh tế Đài Bắc hoặc của đại sứ quán Đài Loan ở nước sở tại (photo và có công chứng đóng dấu đỏ) thì mới có thể đăng ký để nhập học.

(五)歷年成績單 1 份(中、英以外之語文，應另加附經公證之中文或英文譯本)

One photocopy of Academic year-by-year transcript (A notarized copy of a Chinese or English translation is required if the original diploma is in a language other than Chinese or English.)

Bảng thành tích học tập photo (1 bản, nếu không phải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung thì bắt buộc kèm theo bản dịch tiếng Anh hoặc tiếng Trung và có công chứng xác nhận)

1. 高中歷年成績單影本。One photocopy of high school academic transcript

Bảng thành tích học tập THPT (1 bản photo)

2. 本校對於申請文件認定有疑義時，得要求補繳經駐外使館處驗證之證明文件。

CUTE may request applicants to provide verification proofs by R.O.C. overseas representative offices if we consider the diplomas doubtful.

Nếu nhà trường nghi ngờ cần xác nhận lại tài liệu của người đăng ký thì sẽ yêu cầu bổ sung thêm tài liệu có đóng dấu xác nhận của đại sứ quán.

(六)具結書 1 份(表 3) Affidavit —— Form3 Giấy tuyên thệ (Mẫu 3)

申請人需閱讀、填寫及簽名後繳交。

Applicants shall read, fill out, sign up, and hand in.

Trước khi gửi hồ sơ người đăng ký cần đọc kỹ và điền xong ký tên

(七)授權書 1 份(表 4) An Authorization Letter —— Form4 Giấy ủy quyền(Mẫu 4)

申請人需閱讀、填寫及簽名後繳交。

Applicants shall read, fill out, sign up, and hand in.

Trước khi gửi hồ sơ người đăng ký cần đọc kỹ và điền xong ký tên

(八)健康檢查證明書 A medical or health certificate Giấy khám sức khỏe

1. 最近 6 個月內醫院出具。

Issued by hospitals no earlier than the most recent 6 months

Có giấy chứng nhận khám sức khỏe của bệnh viện trong vòng 6 tháng.

2. 可於確定錄取後、報到註冊前繳交，未能繳交者將取消其錄取資格。

Health certificate can be submitted once the applicant is admitted or before registration.

Failure to submit will result in disqualification.

Sau khi xác nhận được trúng tuyển, nộp trước khi đến nhập học. Cá nhân không giao nộp giấy chứng nhận khám sức khỏe thì sẽ bị hủy tên trong danh sách trúng tuyển.

肆、錄取公告 Admission Posted Thông báo trúng tuyển

一、2019 年 9 月 9 日 (一) 公告錄取名單於本校網站：<http://www.hwai.edu.tw>。

The name list of admitted students will be posted on the website on Sep.9, 2019.

(<http://www.hwai.edu.tw>)

Danh sách trúng tuyển sẽ được công bố trên trang web <http://www.hwai.edu.tw> vào ngày 9 tháng 9 năm 2019.

二、錄取通知單：將以電子郵件通知，並以書面寄發錄取通知書。

After the admission posted, CUTe will notify admitted students and issue acceptance letters by both e-mail and post.

Thông báo trúng tuyển sẽ được gửi qua email, đồng thời gửi giấy thông báo.

伍、報到及註冊入學 Pre-registration and Enrollment Báo danh và làm thủ tục nhập học

一、報到：Pre-registration Báo danh

錄取生應依錄取通知書之規定日期到教務處註冊組辦理報到逾期未報到，取消入學資格。

Admitted students shall be present at the Section of Academic Affairs, Office of Registration, for pre-registration on the designated date specified on the admission letter. Applicants who fail to complete these procedures on time will be regarded as having forfeited their eligibility.

Người được trúng tuyển sẽ đến phòng giáo vụ để đăng ký nhập học theo thời gian quy định trong giấy báo trúng tuyển, nếu quá hạn thì sẽ bị hủy tư cách nhập học.

二、應繳證件 Required Documents Các giấy tờ cần nộp

(一)護照(正本驗畢發還)及中華民國簽證頁影本 1 份

Original passport and one photocopy of R.O.C. visa. (Original one returned after verification).

Hộ chiếu (Bản photo có xác nhận công chứng) hoặc Visa Đài Loan (1 bản photo)

(二)學歷證明文件正本或同等學歷證明文件正本 1 份(經學歷授予學校所在地之中華民國駐外館處或相關規定單驗證正本 1 份，若學歷證明文件為臺灣學校所授予，則不需經由駐外機構驗證)。

One original copy of the certificate or diploma of the highest degree obtained abroad (or documentation of equivalent academic attainment) verified by a Taiwanese overseas embassy or consulate.

Bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận học lực (1 bản chính). Bằng tốt nghiệp do trường học trong nước cấp thì phải có đóng dấu xác nhận của văn phòng kinh tế văn hóa Đài Bắc hoặc xác nhận theo quy định liên quan (bản chính 1 bản), nếu bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận học lực do các trường học của Đài Loan cấp thì không cần thông qua xác

nhận.

(三)最高學歷歷年成績單正本 1 份(經成績單授予學校所在地之中華民國駐外館處或相關規定單位驗證正本 1 份,若成績單為臺灣學校所授予,則不需經由駐外機構驗證)。

One original copy of year-by-year grade transcript of the highest degree obtained abroad issued by the academic institution and verified by a Taiwanese overseas embassy or consulate.

Bảng điểm của học lực cao nhất (1 bản chính). Bảng điểm do trường học trong nước cấp thì phải có đóng dấu xác nhận của văn phòng kinh tế văn hóa Đài Bắc hoặc xác nhận của đơn vị theo quy định liên quan (bản chính 1 bản), nếu bảng điểm do các trường học của Đài Loan cấp thì không cần thông qua xác nhận.

三、註冊入學相關規定 Related Regulations of Registration Các quy định liên quan khi làm thủ tục nhập học

(一)外國學生註冊時,新生應檢附已投保自入境當日起至少 6 個月效期之醫療及傷害保險,在校生應檢附我國全民健康保險等相關保險證明文件。前項保險證明如為國外所核發者,應經駐外館處驗證。

At the time of registration, admitted students should present proof of insurance, including both medical and personal accident coverage for a period of at least six months from the date of their arrival in Taiwan. If insurance is provided by a company in another country, proof of insurance should be verified by a Taiwanese overseas embassy or consulate.

Sinh viên nước ngoài khi làm thủ tục nhập học, nếu là sinh viên mới thì cần đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể kể từ ngày nhập cảnh tới ít nhất là thời gian trong vòng 6 tháng. Sinh viên trong trường nên khám và nộp các giấy tờ chứng nhận liên quan tới bảo hiểm y tế của Đài Loan. Các chứng nhận bảo hiểm nếu là do nước ngoài cấp thì phải có chứng nhận của đại sứ quán hoặc văn phòng kinh tế văn hóa Đài Bắc.

(二)依本校學則第 6 條規定,新生因重病、特殊事故或因懷孕、分娩或撫育三歲以下子女不能於該學期入學者,得於註冊截止,檢具相關證明申請保留入學資格經核准後得展緩入學,惟展緩時間以一年為限,毋需繳納任何費用。

According to the Article 6 of CUTe Student Regulations, admitted students who, because of a major accident, serious illness, pregnancy, childbirth, nurturing infants under 3 years old or other causes, are not able to register at the beginning of the semester, can apply to retain their admission eligibility for one year. New students applying for eligibility reservation to the Office of Continuing Education should include their letter of acceptance and written application; no additional fee is required.

Theo Điều 6 của nội quy nhà trường, sinh viên mới nếu do bệnh nặng, tai nạn nghiêm trọng, hoặc do mang thai, sinh con, nuôi con dưới 3 tuổi thì tạm thời không được nhập học, sau khi nộp những giấy tờ chứng nhận liên quan để bảo lưu tư cách được nhập học nếu được phê chuẩn thì có thể kéo dài thời gian nhập học, thời hạn bảo lưu là 1 năm, sinh viên không phải đóng bất cứ một loại phí gì.

(三)休學、修業年限、畢業條件及應修學分數、學分抵免等學籍相關規定，請洽教務組註冊組（電話：+886-6-2674567 轉 280），或至本校網頁查詢，網址：

<http://www.hwai.edu.tw>。

For matters relating to students' leaves of absence, duration of the term of study, graduation/total credit requirements, and credit waivers, please check with the section of Academic Affairs, Office of Continuing Education Section at Hsinchu Campus (Tel. No. +886-6-2674567 ext. 280) or visit our website: <http://www.hwai.edu.tw>

Các quy định liên quan đến nghỉ học, thời gian học, điều kiện tốt nghiệp, số lượng tín chỉ, miễn giảm học phần v...v. Xin vui lòng gọi điện tới phòng giáo vụ, tổ đăng ký (Điện thoại : +886-6-2674567 chuyển nhánh 280), hoặc tra cứu trên trang web của trường :

<http://www.hwai.edu.tw>。

(四)所繳入學相關證明文件，如有偽造、假借、冒用、塗改等情事，一經查明，取消其錄取資格、不准註冊；註冊入學後發現者，取消入學資格；已入學者開除學籍；畢業者，追繳已發之畢業證書。以上情節皆專案報教育部備查，本校並得送請司法機關追究其法律責任。

Applicants who have used false documents will have their admissions immediately cancelled and will be deprived of their student status as students of China University of Technology. If a violation is discovered after graduation, the degree will be cancelled and any certificates will be destroyed.

Toàn bộ những tài liệu nộp khi nhập học nếu có làm giả, gian lận, mạo nhận hoặc sửa đổi nếu bị điều tra ra thì sẽ hủy tư cách trúng tuyển, không được làm thủ tục nhập học. Nếu phát hiện sau khi nhập học thì sẽ bị đuổi học. Nếu đã tốt nghiệp thì sẽ bị thu hồi lại bằng tốt nghiệp. Những tình tiết trên sẽ do chuyên án điều tra của bộ giáo dục thực hiện, nhà trường sẽ gửi tới các cơ quan điều tra để truy cứu trách nhiệm đương sự trước pháp luật.

陸、其他資訊 Other Information Các thông tin khác

一、學雜費收費標準 Tuition Fees Tiêu chuẩn thu phí tiền học phí

學期別 Học kỳ 新台幣 Đài tệ	第一學年 Năm thứ nhất		第二學年 Năm thứ hai		第三學年 Năm thứ ba		第四學年 Năm thứ bốn	
	上學期 Học kỳ I	下學期 Học kỳ II	上學期 Học kỳ I	下學期 Học kỳ II	上學期 Học kỳ I	下學期 Học kỳ II	上學期 Học kỳ I	下學期 Học kỳ II
學雜費 Tiền học phí	無 Miễn phí	24,000 元 24,000 tệ /học kỳ	48,000 元 48,000 tệ /học kỳ	48,000 元 48,000 tệ /học kỳ	48,000 元 48,000 tệ /học kỳ	48,000 元 48,000 tệ /học kỳ	48,000 元 48,000 tệ /học kỳ	48,000 元 48,000 tệ /học kỳ
住宿費 Tiền ký túc xá	無 Miễn phí	1,000 元/月 1,000 tệ / tháng	2,000 元/月 2,000 tệ / tháng	2,000 元/月 2,000 tệ / tháng	2,000 元/月 2,000 tệ / tháng	2,000 元/月 2,000 tệ / tháng	2,000 元/月 2,000 tệ / tháng	2,000 元/月 2,000 tệ / tháng

註：住宿費為一宿 6 人房計費，每學期費用可以採分期方式繳付。

Chú ý: Ký túc xá tính theo phòng 6 người, chi phí mỗi học kỳ có thể đóng theo từng đợt.

二、各項費用估計 Estimated Expenses Chi phí ước tính các mục

包含住宿費、餐費、保險費、網路費及電腦實習費等，僅供參考。所有費用以新臺幣為準，美金僅為概算(1 美金=30 新臺幣)。

The amounts listed below are for reference only. (Exchange Rate: USD1=NTD30)

Bao gồm tiền phí ký túc xá, phí ăn uống, phí bảo hiểm, phí internet, phí thực tập máy tính v.v.... để tham khảo. Toàn bộ chi phí sẽ tính theo Đài tệ, đô la Mỹ sẽ tính theo tỉ lệ 1:30(1USD = 30 Đài tệ)

項目 Các mục	費用估計 Chi phí ước tính
住宿費 Phí ký túc xá	約NT\$24,000/每年 mỗi năm
餐費 Phí ăn uống	約NT\$3,000/每月 mỗi tháng
健保費 Phí bảo hiểm khám chữa bệnh	約NT\$9,000/每年 mỗi năm
學生平安保險費 Phí bảo hiểm an toàn sinh viên	約NT\$330/每學期 mỗi học kỳ
網路費 Phí Internet	約NT\$200/每學期 mỗi học kỳ
電腦實習費 Phí thực tập máy tính	約NT\$810/每學期 mỗi học kỳ

三、聯絡資訊 Contact information Thông tin liên hệ:

中華醫事科技大學 Chung Hwa University of Medical Technology Trường ĐH Khoa Học và Công Nghệ Y Khoa Trung Hoa	電話 TEL Điện thoại: +886-6-2674567 網址 Website: http://www.hwai.edu.tw 招生網址 Admission Website Trang web tuyển sinh: http://www.hwai.edu.tw/admi/pub/News.asp :
國際暨兩岸事務處 Office of International and Cross Strait Affairs Phòng quan hệ quốc tế	電話 TEL: +886-6-2674567, +886-6-2672623 分機 Số máy lẻ : 276 ext. 276 傳真 FAX: +886-6-2692177 E-mail : htcj1106@gmail.com 網址 Website: http://www.hwai.edu.tw/ioa/pub/News.asp
化妝品應用與管理系 Department of Cosmetic Science Khoa quản lý và ứng dụng hóa mỹ phẩm	電話 TEL: + 886-6-267-4567 分機 Số máy lẻ : 951 ext. 951 E-mail : cosmetic@mail.hwai.edu.tw 網址 Website: http://www.hwai.edu.tw/cosmetic/pub/News.as p
教務處註冊組 Office of Academic Affairs Tổ đăng ký nhập học, phòng giáo vụ	電話 TEL: +886-6-2697731 分機 Số máy lẻ : 280 ext.280 網址 Website: http://www.hwai.edu.tw/admi/pub/News.asp

柒、其他申請注意事項 Miscellaneous Những điều cần chú ý khác

一、本項招生係依教育部中華民國 2017 年 9 月 8 日修正發布之「外國學生來臺就學辦法」辦理。(網址：<http://edu.law.moe.gov.tw/LawContentDetails.aspx?id=FL009279>)

This Admission document follows MOE Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan (Amended September 8, 2017).

(URL: <http://edu.law.moe.gov.tw/LawContentDetails.aspx?id=FL009279>)

Các mục tuyển sinh được căn cứ và thực hiện theo luật “sinh viên quốc tế đến Đài Loan học tập” được sửa đổi và phát hành ngày 8 tháng 9 năm 2017 của bộ giáo dục Đài Loan.

二、報名繳交之報名資料、證件影本，一經繳交後，概不予退還，請自行保留備份。

No application documents will be returned for any reason. Please make copies for yourself if needed.

Các giấy tờ tài liệu, văn bằng photo sau khi nộp thì đều không hoàn trả lại. Xin hãy tự giữ lại một phần.

三、如經註冊入學後，於就學期間許可在臺初設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍，即喪失外國學生身分，予以退學。

Registered CUTE students whose names are entered in an ROC household register, who are naturalized as ROC citizens or whose ROC citizenship is restored will lose their international student status and be subject to expulsion.

Nếu sau khi làm thủ tục nhập học, trong thời gian học đăng ký nhập tịch Đài Loan, quy hoạch hoặc phục hồi quốc tịch Đài Loan thì sẽ bị mất thân phận sinh viên quốc tế và bị nghỉ học.

四、申請人之中、英文由文基礎能力由各系審查時認定之。

The programs reserve the right of determining minimum standards based on their sole discretion when evaluating applicants' Chinese/ English proficiency.

Tiếng Anh và tiếng Trung sẽ là ngôn ngữ chính khi các khoa xét duyệt năng lực của người đăng ký.

五、外國學生註冊時，新生應檢附已投保自入境當日起至少 6 個月效期之醫療及傷害保險，在校生應檢附我國全民健康保險等相關保險證明文件。前項保險證明如為國外所核發者，應經駐外館處驗證。

International students should purchase their own health insurance for the first six months of their stay in Taiwan until they are eligible for the National Health Insurance program.

Insurance purchased overseas should be verified by an overseas consulate of the Republic of China (Taiwan) in the country of origin.

Sinh viên nước ngoài khi làm thủ tục nhập học, nếu là sinh viên mới thì cần đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể kể từ ngày nhập cảnh tới ít nhất là thời gian trong vòng 6 tháng. Sinh viên trong trường nên khám và nộp các giấy tờ chứng nhận liên quan tới bảo hiểm y tế của Đài Loan. Các chứng nhận bảo hiểm nếu là do nước ngoài cấp thì phải có chứng nhận của đại sứ quán hoặc văn phòng kinh tế văn hóa Đài Bắc.

六、本校依據「個人資料保護法」之規定，得於業務範圍內收集、處理並使用於法定範圍內之個人項目，以利招生及註冊等程序之進行。

All personal information collected by China University of Technology during the recruiting and registration process is authorized and protected by the provisions of the Personal

Information Protection Act.

Nhà trường dựa theo quy định 「bảo vệ tư liệu cá nhân」, các tài liệu cá nhân được sử dụng trong phạm vi cho phép của pháp luật, nhằm thuận tiện cho việc tuyển sinh và đăng ký nhập học.

七、須辦理變更簽證者，請逕洽詢外交部領事事務局（臺北市濟南路一段 2-2 號 3-5 樓，聯絡電話：+886-2-23432888 轉 6）。

To change visa status, please contact the following offices:

Bureau of Consular Affairs, Ministry of Foreign Affairs (3-5F, No. 2-2, Sec. 1, Jinan Rd., Taipei City 100, Taiwan (ROC). TEL: +886-2-23432888 ext. 6)

Nếu cần sửa đổi thông tin Visa, xin hãy liên lạc tới cục lãnh sự bộ ngoại giao (Tầng 3-5 ,số 2 -2, đoạn 1 đường Tế Nam, TP Đài Bắc, điện thoại liên hệ +886-2-23432888 chuyển số 6)

八、本簡章中英文版本如有出入時，以中文版為準。如有未盡事宜，依相關法規及本校招生委員會決議辦理。

If there are any discrepancies in interpretation between the English and Chinese texts, the Chinese version applies. Any issues not mention in this document will be handled by the China University of Technology Admissions Committee according to relevant laws and regulations.

Thông tin tuyển sinh có tiếng Trung, tiếng Anh và tiếng Việt, nếu có sự sai lệch về ngôn ngữ dịch thì lấy bản tiếng Trung làm chuẩn. Nếu có vấn đề gì không thỏa đáng sẽ xử lý theo quy định liên quan và hội nghị ủy viên hội đồng tuyển sinh của nhà trường.

表 1
Form1
Mẫu 1

中華醫事科技大學國際學生產學合作專班申請表
ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC LỚP CHUYÊN BAN HỢP TÁC
SINH VIÊN QUỐC TẾ TRƯỜNG ĐHY KHOA

此處貼最近二吋
半身脫帽相片
Ảnh

一、個人基本資料 Thông tin cá nhân cơ bản

姓名 Họ tên	(中文) Tên tiếng Trung		護照號碼 Số hộ chiếu.	
	(英文) Tên tiếng Anh	(Last) (First) (Middle)	國籍 Quốc tịch	
性別 Giới tính	☐ 男 Nam ☐ 女 Nữ		婚姻狀況 Tình trạng hôn nhân	☐ 已婚 Đã kết hôn ☐ 未婚 Độc thân
出生日期 Ngày tháng năm sinh			出生地點 Nơi sinh	
電子信箱 Email			行動電話 Số di động.	
通訊地址及電話 Địa chỉ liên lạc, điện thoại				電話 Điện thoại. _____
在臺通訊處及電話 Địa chỉ liên lạc và điện thoại ở Đài Loan				電話 Điện thoại. _____
在臺聯絡人 (監護人) Người thân ở Đài Loan (Người giám hộ)	姓名 Họ tên		與申請人關係 Có quan hệ với người xin học	
	住址 Địa chỉ		聯絡電話 SĐT.	
父親 Bố	姓名 Họ tên		出生地點 Nơi sinh	
	國籍 Quốc tịch		聯絡電話 SĐT.	
母親 Mẹ	姓名 Họ tên		出生地點 Nơi sinh	
	國籍 Quốc tịch		聯絡電話 SĐT.	

二、申請人教育背景 Applicant's Educational Background

Trình độ giáo dục của người xin đăng ký

	學校名稱 Tên trường	學校所在地 Địa chỉ	學位 Học vị	修業起迄年月 Thời gian học (từ ngày tháng năm tới ngày tháng năm)	主修 Chuyên ngành chính	副修 Chuyên ngành phụ
中等學校 Trường trung học						
大學部 Trường đại học						
碩士班 Lớp thạc sĩ						
博士班 Lớp tiến sĩ						
其他 Khác						

三、申請就讀系別及學位 Application for a Degree Program Xin đăng ký ngành học và cấp học

修讀學位 Thời gian học	學分數 Số học phần	國籍 Quốc gia	系所 Khoa/ ngành
4 năm – Học sĩ	128	Vietnam	化妝品應用與管理系 Khoa quản lý và ứng dụng hóa mỹ phẩm

四、中國語文程度 Chinese proficiency level Trình độ tiếng Trung

1. 曾研究中文幾年 Bạn đã học tiếng Trung bao lâu ? _____
2. 在何處受何人指導 Bạn học ở đâu ? Do ai dạy ? _____ 3.

中國語文程度 Chinese proficiency level Trình độ tiếng Trung :

聽 Nghe	☐ 優 Giỏi	☐ 佳 Tốt	☐ 尚可 Trung Bình	☐ 差 Kém
說 Nói	☐ 優 Giỏi	☐ 佳 Tốt	☐ 尚可 Trung Bình	☐ 差 Kém
讀 Đọc	☐ 優 Giỏi	☐ 佳 Tốt	☐ 尚可 Trung Bình	☐ 差 Kém
寫 Viết	☐ 優 Giỏi	☐ 佳 Tốt	☐ 尚可 Trung Bình	☐ 差 Kém

五、其他 Khác

1. 敘明在臺期間各項經費來源

State your plans for financing your education in the Republic of China.

Các chi phí trong thời gian học tập ở Đài Loan do đâu mà có:

- ☐ 個人儲蓄 _____ ☐ 父母支援 _____
 Personal Savings (金額 Amount in US Dollars) Parent Supports (金額 Amount in US Dollars)
 Tiền tiết kiệm cá nhân Gia đình trợ cấp
- ☐ 獎助金 _____ ☐ 其他 _____
 Scholarship(來源及金額 Source & Amount in US Dollars) Others(來源及金額 Source & Amount in US Dollars)
 Tiền học bổng Khác

2. 健康情形 Health Condition Tình trạng sức khỏe

☐ 佳 (Good) Tốt ☐ 尚可 (Average) Bình thường ☐ 稍差 (Poor) Kém

如有疾病或缺陷請敘明之。Nếu có mắc bệnh hoặc có khuyết điểm xin hãy ghi rõ. _____

3. 課外活動 Extra-curricular Activities Hoạt động ngoại khóa _____

4. 經歷 Previous Employment Kinh nghiệm _____

以上資料業由本人填寫，且經詳細檢查，在此保證其正確無誤。

I have carefully reviewed the above information and hereby attest that all of it is correct.

Toàn bộ những thông tin trên là do tự bản thân viết, đã kiểm tra kỹ lưỡng và bảo đảm hoàn toàn chính xác.

申請人簽名

申請日期(MM/DD/YY)

Applicant's Signature _____ Date of Application _____ / _____ / _____

Người làm đơn ký tên

Ngày/tháng/năm

表 2
Form2
Mẫu 2

中華醫事科技大學國際學生產學合作專班入學繳交資料紀錄表

Chung Hwa University of Medical Technology

Check List for Application Materials

BẢNG DANH SÁCH NHỮNG GIẤY TỜ CẦN NỘP KHI NHẬP HỌC LỚP CHUYÊN BAN CỦA TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Y KHOA TRUNG HOA

繳交資料紀錄表（申請人務必就已繳交之資料，於表格之繳交註記欄內打 V）

Please check items below that you have submitted.

Bảng danh sách những giấy tờ cần nộp (Bắt buộc đánh dấu V vào những giấy tờ đã nộp)

註記 Đánh dấu V	申請資料 Giấy tờ cần chuẩn bị	份數 Số lượng
	1. 【表 1】入學申請表並附貼二吋半身脫帽照片。 【Form1】A completed application form with a recent portrait photo attached. 【Mẫu 1】Đơn xin đăng ký nhập học có dán ảnh 3*4, ảnh chụp nửa người và bỏ mũ	1
	2.最高學歷或同等學力證明文件影本 One photocopy of the certificate or diploma of the highest degree obtained abroad, or documentation of equivalent academic attainment. Bản photo bằng cấp cao nhất hoặc giấy chứng nhận học lực.	1
	3.歷年成績單影本 One photocopy of year-by-year grade transcript issued by the academic institution and verified by a Taiwanese overseas embassy or consulate. Bản photo thành tích học tập	1
	4.護照影本 One photocopy of passport. Bản photo hộ chiếu	1
	5. 【表 3】具結書 【Form 3】Affidavit 【Mẫu 3】Giấy tuyên thệ	1
	6. 【表 4】授權書 【Form 4】 <u>Letter of Authorization</u> 【Mẫu 4】Giấy ủy quyền	1
	7. 【表 5】切結書 【Form 5】Sworn Statement 【Mẫu 5】Giấy cam kết	1
	8.健康檢查證明書 A medical or health certificate Giấy khám sức khỏe	1

獲錄取的學生，註冊入學時須繳交資料

Accepted student has to hand in the documents when registration.

Người được trúng tuyển, khi làm thủ tục nhập học cần nộp những tài liệu sau:

註記 Đánh dấu V	註冊入學繳交資料 Khi tới nhập học cần nộp những tài liệu sau	份數 Số lượng
	1. 【表 1】入學申請表正本。 【Mẫu 1】Đơn xin đăng ký nhập học (bản chính)	1
	2. 二吋半身脫帽照片 Ảnh 3*4, ảnh chụp nửa người và bỏ mũ	2
	3. 申請人護照影本 Hộ chiếu photo	1
	4. 【表 3】具結書 【Mẫu 3】Giấy tuyên thệ	1
	5. 外國學校最高學歷或同等學力證明文件正本 經我國駐外使領館、代表處、辦事處或其他經外交部授權機構（以下簡稱駐外館處）驗證之外國學校最高學歷或同等學力證明文件（中、英文以外之語文，應加附經公證之中文或英文譯本）。 Bản chính bằng cấp cao nhất hoặc giấy chứng nhận học lực tương đương. Thông qua sự chấp thuận của cơ quan lãnh sự, đại sứ quán hoặc văn phòng kinh tế văn hóa Đài Bắc, các bằng cấp hoặc giấy chứng nhận học lực ngoài tiếng Trung và tiếng Anh thì cần kèm theo một bản dịch bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung và có xác nhận công chứng.	1
	6. 經駐外館處驗證之歷年成績單正本 （中、英文以外之語文，應加附經公證之中文或英文譯本） Bảng thành tích học tập có chứng nhận đóng dấu đỏ của văn phòng kinh tế văn hóa Đài Bắc.(ngoài tiếng Trung và tiếng Anh thì cần kèm theo một bản dịch bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung và có xác nhận công chứng)	1
	7. 健康檢查證明應檢查項目表（乙表） Bảng các mục cần kiểm tra sức khỏe (bảng B) 請至衛生福利部疾病管制署下載：Nhấn vào trang web quản chế bệnh tật của Bộ vệ sinh phúc lợi để tải về： http://www.cdc.gov.tw/list.aspx?treeid=AA2D4B06C27690E6&nowtreeid=5783A22EC021590D	1

具結書

Affidavit

GIẤY TUYÊN THỆ

1. 本人保證符合中華民國教育部「外國學生來臺就學辦法」之規定。

I hereby attest that I am qualified to apply for admission as an international student under the “Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan” as promulgated by the Ministry of Education, R.O.C.

Cá nhân tôi xin bảo đảm phù hợp với các quy định về học sinh nước ngoài đến Đài Loan học tập do bộ giáo dục Đài Loan đưa ra.

2. 本人保證符合以下其中之一：

I hereby attest that I fulfill one of the following conditions：

Cá nhân tôi xin bảo đảm phù hợp một trong những điều sau:

- ☐ 具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格。

At the time of application, I am holding foreign nationality and have never held ROC nationality. Moreover, I do not have overseas Chinese student status.

Có quốc tịch nước ngoài, không có quốc tịch Đài Loan, khi làm thủ tục xin đăng ký không phải là kiều sinh.

- ☐ 具外國國籍且兼具中華民國國籍者，自始未曾在臺設有戶籍，並於申請時已連續居留海外 6 年以上者，且未曾以僑生身分在臺就學，且未於當年度接受海外聯合招生委員會分發。

At the time of application, I hold both foreign and ROC nationalities but have never been registered as part of a household in Taiwan. Moreover, I have been living abroad continuously for more than 6 years, have never studied as an overseas Chinese student in Taiwan and have not been approved for student status in the current academic year by the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students.

Có quốc tịch nước ngoài và quốc tịch Đài Loan, ngay từ đầu không có hộ khẩu ở Đài Loan và đã ở nước ngoài liên tục hơn 6 năm tại thời điểm nộp đơn, không có thân phận là kiều sinh đến Đài Loan học tập, hiện tại không tiếp nhận sự chi phối của hội đồng ủy viên tuyển sinh liên hợp hải ngoại.

- ☐ 具外國國籍，且曾兼具中華民國國籍者，於申請時已經內政部許可喪失中華民國國籍滿 8 年，並於申請時已連續居留海外 6 年以上者，且未曾以僑生身分在臺就學，且未於當年度接受海外聯合招生委員會分發。

I hold foreign nationality and once had ROC nationality but have not been registered as part of a household in Taiwan, as determined by the Ministry of Interior, for at least 8 years. I have been living abroad continuously for more than 6

years. Moreover, I have never studied as an overseas Chinese student in Taiwan and have not been approved for student status in the current academic year by the University Entrance Committee for Overseas Chinese students.

Có quốc tịch nước ngoài và đã từng có quốc tịch Đài Loan, khi đăng ký xin học đã bị bộ nội chính tiêu hủy quốc tịch Đài Loan tròn 8 năm, và đã cư trú ở nước ngoài 6 năm trở lên, không có thân phận là kiều sinh đến Đài Loan học tập, hiện tại không tiếp nhận sự chi phối của hội đồng ủy viên tuyển sinh liên hợp hải ngoại.

- ☐ 具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿6年以上者。

I hold foreign nationality, concurrently hold permanent residence status in Hong Kong or Macau, but have never been registered as part of a household in Taiwan and, at the time of application, have resided in Hong Kong, Macau, or another foreign country for no less than 6 years.

Có quốc tịch nước ngoài, đồng thời có thể cư trú vĩnh viễn tại Hồng Kông và Ma Cao, nhưng chưa từng có hộ khẩu ở Đài Loan. Khi làm đơn xin nhập học cư trú liên tục ở Hồng Kông, Ma Cao hoặc nước ngoài từ 6 năm trở lên.

- ☐ 曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外6年以上者。

I am a former citizen of Mainland China, currently hold foreign nationality, have never been registered as part of a household in Taiwan and, at the time of application, have continuously resided overseas for no less than 6 years.

Công dân thuộc khu vực Trung Quốc Đại Lục có quốc tịch nước ngoài nhưng chưa từng có hộ khẩu ở Đài Loan, khi đăng ký xin nhập học thì đã cư trú liên tục ở nước ngoài 6 năm trở lên.

3. 本人所提供之最高學歷證明（申請大學部者提出高中畢業證書、申請碩士班者提出大學畢業證書），在畢業學校所在地國家均為合法有效取得畢業資格，所持之證件相當於中華民國國內之各級學校授予之相當地位。

The diploma granted by the educational institution I last attended is valid and has been awarded legally in the country where I graduated. The certificate is comparable to that which is awarded by recognized schools in Taiwan.

Cá nhân tôi đưa ra bằng cấp học lực cao nhất (đăng ký xin học đại học thì cần đưa ra bằng tốt nghiệp THPT, đăng ký xin học thạc sỹ thì cần đưa ra bằng tốt nghiệp đại học), có bằng học lực hợp pháp, có hiệu lực tại trường học trong nước, và tương đương với các bằng cấp học lực của các cấp học tại Đài Loan.

4. 本人所提供之所有相關資料（包含學歷、護照及其他相關文件之正本及影本）均為合法有效之文件，如有不符規定或變造之情事，經查屬實及取消入學資格，且不發給任何有關之學分證明。

All of the documents provided (including diploma, passport and other relevant documents, original or copy) are valid. Should any documents be found to be invalid or false, my admission to CUTe will be revoked, and no proof of attendance will be issued.

Cá nhân tôi cung cấp các tài liệu liên quan (bao gồm bản chính và bản photo bằng học lực, hộ chiếu và các giấy tờ liên quan khác) hoàn toàn là các giấy tờ hợp pháp, có hiệu lực. Nếu không phù hợp quy định hoặc giả mạo, khi bị kiểm tra phát hiện thì sẽ hủy tư cách nhập học đồng thời sẽ không được cấp bất cứ một chứng nhận học phần nào).

5. 本人取得入學許可後，在辦理報到時，須繳交我國駐外館處、行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證之畢業證書及成績單（認證章）正本，始得註冊入學，屆時若未如期繳交，即由貴校取消入學資格，絕無異議。

At the time of registration, I must provide my original academic degrees, diplomas and transcripts verified by a Taiwan overseas representative office, or verified by an institute established or appointed by, or through a private agency commissioned by, the Executive Yuan. If the related certificates cannot be submitted on time, I understand that my admission will be revoked.

Cá nhân tôi sau khi nhận được giấy thông báo nhập học, khi đến làm thủ tục nhập học bắt buộc phải giao nộp bằng cấp học lực và bảng điểm đã có sự chứng nhận và đóng dấu đỏ của văn phòng bộ ngoại giao/viện hành chính/ cơ quan chỉ định/ hoặc đoàn thể được ủy thác để làm thủ tục đăng ký vào học. Nếu quá hạn mà không nộp, quý nhà trường hủy bỏ tư cách nhập học, tôi cũng không có bất cứ ý kiến gì.

6. 本人不曾在臺以外國學生身分完成高中學校學程，亦未曾遭中華民國國內大專院校退學。

I hereby certify that I have not completed a high school program in the ROC under international student status, and I have never been expelled from any university of college in the ROC.

Cá nhân tôi chưa từng học THPT ở Đài Loan với thân phận là học sinh quốc tế, cũng chưa từng bỏ học ở các trường đại học cao đẳng trong lãnh thổ Đài Loan.

7. 簡章中文版與英譯版語意有所差異時，以中文版為準。

If there should be any discrepancy or contradiction between the Chinese and translated English versions, the Chinese version shall prevail.

Bản giới thiệu tiếng Trung, và bản dịch tiếng Anh, tiếng Việt nếu có sự sai lệch thì lấy bản tiếng Trung làm chuẩn.

上述所陳之任一事項同意授權貴校查證，如有不實或不符規定之情事，於入學經查證屬實者，本人願意接受貴校註銷學籍處分，絕無異議。

I authorize China University of Technology to verify all of the information provided above. If any document is found to be false after admission, I have no objection to being deprived of registered student status.

Những điều nêu trên đã được sự đồng ý, nhà trường xem xét nếu có điều gì dối trá hoặc không phù hợp quy định, khi nhập học bị điều tra ra thì tôi sẽ tự nguyện tiếp nhận quý nhà trường xử phạt mà không có bất cứ ý kiến gì.

申請人簽章 Applicant's Signature _____ 日期 Date : _____

Người làm đơn ký tên

Ngày tháng năm

表 4
Form4
Mẫu 4

授權書

Letter of Authorization GIẤY ỦY QUYỀN

中華醫事科技大學於本次招生作業中，授權取得學生之識別類、特徵類、學習經歷類等個人資料作為本校建立名單及招生聯繫之用，並須基於「學生資料管理」之目的，向有意願就讀之錄取學生蒐集與就學相關的資料，以供本校於學生求學期間及地區內的必要利用，例如學籍建立、資料管理、教育行政、住宿安排、必要聯繫等。

During the admission operations, Chung Hwa University of Medical Technology is authorized to obtain my personal information such as identification, characteristics and learning experiences, for the purpose of admission only. CUTE would use my information to confirm my qualification, establish the student list, arrange school accommodation, offer the scholarship, and make contact with and accomplish other related purposes during the time of studying at CUTE.

Tài liệu cá nhân được nhà trường dùng cho mục đích “quản lý thông tin học sinh” để lập danh sách và phục vụ cho việc tuyển sinh. Tài liệu liên quan của những học sinh có ý định muốn học và được trúng tuyển trong thời gian học sẽ được nhà trường sử dụng đến như: Làm thẻ sinh viên, quản lý tài liệu, công việc hành chính giáo dục, sắp xếp ký túc, liên hệ khi cần thiết v.v...

我授權中華醫事科技大學查證我所提供的所有資料。

I Authorize Chung Hwa University of Medical Technology to undertake a verification of information I have provided.

Tôi ủy quyền cho trường ĐH Khoa Học và Công Nghệ Y Khoa Trung Hoa kiểm tra tất cả các tài liệu xin nhập học của tôi.

正楷書寫全名

Họ tên đầy đủ _____

護照號碼

Số hộ chiếu _____

出生日期

Ngày tháng năm sinh _____

日期

Ngày tháng năm _____

切 結 書 Sworn Statement GIẤY CAM KẾT

本人因缺繳學歷證書，未能完成中華醫事科技大學 2019 年外國學生新生報到手續，請准予暫行登錄備案，本人將於開學第一週前補齊證件，以取得入學資格。如逾期未繳交，即表示本人放棄權利，由貴校逕行取消本人入學資格，特此切結。

Because I am not able to present my academic transcripts, I, the undersigned, have failed to complete the pre-registration procedures as an international student admitted to Chung Hwa University of Medical Technology during the year 2019. Please put my name on the record and grant me permission to submit necessary documentation at a later date. I guarantee that I will submit all necessary documents by the first week of the semester to finish registration procedures and obtain my student status. If the necessary certificates cannot be presented on time, I will accept revocation of my qualification to register.

Cá nhân tôi vì thiếu nộp bằng tốt nghiệp/ giấy chứng nhận học lực nên chưa hoàn thành thủ tục báo danh nhập học dành cho tân sinh viên nước ngoài của trường ĐH Khoa Học và Công Nghệ Y Khoa năm 2019, xin cho phép đăng ký tạm thời. Tôi sẽ bổ sung vào tuần đầu tiên khi bắt đầu học để xin được tư cách nhập học. Nếu quá thời hạn giao nộp đồng nghĩa với việc tôi từ bỏ quyền lợi, nhà trường sẽ hủy tư cách được nhập học của tôi. Tôi xin cam kết.

系組別/Department :

電 話/Tel No. :

Khoa ngành

SDT:

姓名/Name :

行動電話/Mobile Phone No. :

Họ tên

Di động:

學號/Student No. :

通訊地址/Mailing Address :

Mã số sinh viên:

Địa chỉ liên lạc:

切結人簽名/The Undersigned :

E-MAIL :

Người cam kết ký tên:

【本校存查／for China University of Technology's reference】

切 結 書 Sworn Statement GIẤY CAM KẾT

本人因缺繳學歷證書，未能完成中華醫事科技大學 2019 年外國學生新生報到手續，請准予暫行登錄備案，本人將於開學第一週前補齊證件，以取得入學資格。如逾期未繳交，即表示本人放棄權利，由貴校逕行取消本人入學資格，特此切結。

Because I am not able to present my academic transcripts, I, the undersigned, have failed to complete the pre-registration procedures as an international student admitted to Chung Hwa University of Medical Technology during the year 2019. Please put my name on the record and grant me permission to submit necessary documentation at a later date. I guarantee that I will submit all necessary documents by the first week of the semester to finish registration procedures and obtain my student status. If the necessary certificates cannot be presented on time, I will accept revocation of my qualification to register.

Cá nhân tôi vì thiếu nộp bằng tốt nghiệp/ giấy chứng nhận học lực nên chưa hoàn thành thủ tục báo danh nhập học dành cho tân sinh viên nước ngoài của trường ĐH Khoa Học và Công Nghệ Y Khoa năm 2019, xin cho phép đăng ký tạm thời. Tôi sẽ bổ sung vào tuần đầu tiên khi bắt đầu học để xin được tư cách nhập học. Nếu quá thời hạn giao nộp đồng nghĩa với việc tôi từ bỏ quyền lợi, nhà trường sẽ hủy tư cách được nhập học của tôi. Tôi xin cam kết.

系組別/Department :

電 話/Tel No. :

Khoa ngành

SĐT:

姓名/Name :

行動電話/Mobile Phone No. :

Họ tên

Di động:

學號/Student No. :

通訊地址/Mailing Address :

Mã số sinh viên:

Địa chỉ liên lạc:

切結人簽名/The Undersigned :

E-MAIL :

Người cam kết ký tên:
